

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 36
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tấn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 24/05/2019)
Ông Ngô Diên Hy	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 24/05/2019)
Ông Trần Bình Dương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 31/07/2019)
Ông Nguyễn Đăng Thăng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 31/07/2019)
Ông Tomohiro Dejima	Ủy viên	
Ông Domingo Alonso	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Bích Thủy	Giám đốc Điều hành	
Bà Nguyễn Khoa Diệu Uyên	Giám đốc Nhân sự	(Miễn nhiệm 25/03/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khuê	Trưởng Ban
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên
Bà Bùi Thị Hồng	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Trần Bình Dương**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 07 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 30 và 31 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ xét xử vụ án đánh bạc trực tuyến và vụ kiện của Công ty Global Payment Service và UTC Investment kiện Công ty Cổ phần Truyền Thông VMG liên quan đến việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (Epay) tháng 11/2016.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>628.057.391.085</b>	<b>685.343.634.056</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.332.749.172	47.637.957.594
111	1. Tiền		5.332.749.172	17.637.957.594
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	283.160.443.385	278.156.817.056
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		283.160.443.385	278.156.817.056
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		213.081.626.507	292.178.383.943
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	192.491.708.913	274.012.314.623
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.004.600.324	1.314.018.757
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.585.317.270	16.852.050.563
140	IV. Hàng tồn kho	8	46.491.381.320	49.488.034.869
141	1. Hàng tồn kho		46.491.381.320	49.488.034.869
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		79.991.190.701	17.882.440.594
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	77.179.285.139	12.643.654.293
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.809.178.289	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.727.273	5.238.786.301
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>94.219.042.734</b>	<b>94.551.756.507</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.555.151.208	2.829.079.902
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.555.151.208	2.829.079.902
220	II. Tài sản cố định		2.483.459.048	1.900.386.465
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.436.792.379	1.842.053.132
222	- Nguyên giá		28.994.912.635	28.025.094.453
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.558.120.256)	(26.183.041.321)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	46.666.669	58.333.333
228	- Nguyên giá		3.742.333.000	3.742.333.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.695.666.331)	(3.683.999.667)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	23.780.860.957	24.304.518.619
231	- Nguyên giá		30.137.483.143	30.137.483.143
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.356.622.186)	(5.832.964.524)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>65.157.771.521</b>	<b>65.157.771.521</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		59.170.000.000	59.170.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		35.438.000.000	35.438.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		650.000.000	650.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.100.228.479)	(30.100.228.479)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>241.800.000</b>	<b>360.000.000</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	-	118.200.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		241.800.000	241.800.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>722.276.433.819</b>	<b>779.895.390.563</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>191.606.108.155</b>	<b>259.396.584.178</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>190.621.083.041</b>	<b>258.490.805.874</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	53.795.271.406	76.543.136.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.294.617.517	3.315.484.748
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	517.851.675	1.314.861.275
314	4. Phải trả người lao động		10.627.469.349	12.444.068.540
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	28.204.565.290	25.897.940.391
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.107.110.464	7.309.986.474
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	67.978.703.921	115.977.499.646
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18.095.493.419	15.687.827.924
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>985.025.114</b>	<b>905.778.304</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	985.025.114	905.778.304
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>530.670.325.664</b>	<b>520.498.806.385</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>530.670.325.664</b>	<b>520.498.806.385</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.763.955.405	75.592.436.126
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		71.989.502.964	51.572.881.711
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		13.774.452.441	24.019.554.415
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>722.276.433.819</b>	<b>779.895.390.563</b>



Nguyễn Thị Thùy Linh

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019



Dương Thị Thương

Kế toán trưởng



Trần Bình Dương

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	304.743.045.309	363.550.370.830
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	227.910.909
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		304.743.045.309	363.322.459.921
11	4. Giá vốn hàng bán	21	283.688.072.274	354.213.351.045
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.054.973.035	9.109.108.876
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	8.579.471.678	8.443.641.529
22	7. Chi phí tài chính	23	891.921.621	701.546.807
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		886.392.961	409.046.807
25	8. Chi phí bán hàng	24	2.137.531.576	464.363.636
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.438.752.062	7.757.062.827
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.166.239.454	8.629.777.135
31	11. Thu nhập khác		70.452.725	17.486.967
32	12. Chi phí khác		4.180.181	815.157.637
40	13. Lợi nhuận khác		66.272.544	(797.670.670)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.232.511.998	7.832.106.465
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.458.059.557	1.736.119.171
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.774.452.441	6.095.987.294

 

Nguyễn Thị Thùy Linh

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Dương Thị Thương

Kế toán trưởng



Trần Bình Dương

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.232.511.998	7.832.106.465
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		910.403.261	1.796.760.429
03	- Các khoản dự phòng		-	651.206.952
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.174.364)	(13.111.601)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.527.490.869)	(7.962.808.320)
06	- Chi phí lãi vay		886.392.961	409.046.807
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.495.642.987	2.713.200.732
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		73.781.466.618	43.016.666.624
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.996.653.549	(887.474.543)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(22.167.278.559)	(14.852.747.348)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(64.417.430.846)	8.155.680.304
14	- Tiền lãi vay đã trả		(972.973.610)	(409.046.807)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(32.177.620.739)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.195.267.667)	(1.507.201.501)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.479.187.528)	4.051.456.722
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(969.818.182)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(191.003.626.329)	(133.263.503.862)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		186.000.000.000	130.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.239.794.978	5.568.617.147
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.266.350.467	2.305.113.285
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		151.880.068.039	310.243.302.667
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(199.878.863.764)	(330.243.301.651)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(99.750.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.098.545.725)	(19.999.998.984)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(42.311.382.786)	(13.643.428.977)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		47.637.957.594	70.701.801.214
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.174.364	13.111.601
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.332.749.172</u>	<u>57.071.483.838</u>



Nguyễn Thị Thùy Linh

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019



Dương Thị Thương

Kế toán trưởng



Trần Bình Dương

Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 203.930.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 203.930.000.000 đồng; tương đương 20.393.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ truyền thông.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Công thông tin (không hoạt động báo chí);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Hoạt động viễn thông khác  
Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ giá tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Cung cấp dịch vụ trò điện tử trên mạng; Dịch vụ nội dung thông tin số; Cung cấp dịch vụ nội thông tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Đầu tư kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan  
Chi tiết: hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động;
- Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc  
Chi tiết: Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận  
Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường;
- Quảng cáo  
Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng;
- Dịch vụ thông tin khác chưa đưa được vào đâu  
Chi tiết:
  - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;
  - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
  - Các dịch vụ cắt xét thông tin, báo chí.....

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ, các dịch vụ truyền thông tiếp tục tăng trưởng, đồng thời phát triển thêm các dịch vụ mới do đó lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty kỳ này có cải thiện hơn so với kỳ trước.



Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư tại thời điểm gần nhất thu thập được.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	1,5 - 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 04 năm
- Phần mềm quản lý	1,5 - 03 năm

## 2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

## 2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ quản lý tin nhắn được phân bổ theo sản lượng đã sử dụng, tương ứng với doanh thu dịch vụ tin nhắn đã ghi nhận trong kỳ.

#### 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.15. Các khoản vay

Các khoản vay phát sinh trong kỳ là các khoản thấu chi ngân hàng.

#### 2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS, bản quyền nhạc và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả và thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

011  
CÔ  
NH  
G K  
AA  
KIẾ  
10  
CÔ  
CÔ  
IVÉ  
V  
E



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.19. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.21. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo: thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**2.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.24. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25. Thông tin bộ phận**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tiền mặt	292.910.699	600.058.600
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.039.838.473	17.037.898.994
- Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	<b>5.332.749.172</b>	<b>47.637.957.594</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	283.160.443.385	-	278.156.817.056	-
	<b>283.160.443.385</b>	<b>-</b>	<b>278.156.817.056</b>	<b>-</b>

Tại 30/06/2019, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 13 tháng, có tổng giá trị là 283.160.443.385 đồng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 7,3%/năm.



**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Mã chứng khoán	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
- Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	59.170.000.000	-	59.170.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	50.500.000.000	-	50.500.000.000	-
	8.670.000.000	-	8.670.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>				
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo (*)	35.438.000.000	(30.000.000.000)	35.438.000.000	(30.000.000.000)
	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	5.438.000.000	-	5.438.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	650.000.000	(100.228.479)	650.000.000	(100.228.479)
	650.000.000	(100.228.479)	650.000.000	(100.228.479)
	<b>95.258.000.000</b>	<b>(30.100.228.479)</b>	<b>95.258.000.000</b>	<b>(30.100.228.479)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*): Ngày 03/08/2016, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (là công ty liên kết của VMG) đã ban hành Quyết định giải thể Công ty với lý do gặp khó khăn trong kinh doanh và liên tục thua lỗ đến mức không có khả năng phục hồi. Hiện nay, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.





**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Tầng 7, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	50,5%	50,5%	Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử và bộ điều khiển trò chơi video
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	51%	51%	Dịch vụ truyền thông
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>				
Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:				
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20%	20%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty
- Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	28,59%	28,59%	Dịch vụ truyền thông
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	Số 15, ngõ 175/5/167 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1,14%	1,14%	Hoạt động thương mại

**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	1.203.139.370	-	3.504.781.246	-
- Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	8.107.768.531	-	8.360.781.996	-
- Trung tâm Dịch vụ Đa phương tiện và Giá trị Gia tăng Mobifone - Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	16.963.519.808	-	20.528.266.551	-
- Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	11.355.659.919	-	11.099.837.955	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	69.885.311.594	-	147.946.960.500	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile	16.553.312.739	-	7.789.749.767	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	68.422.996.952	-	74.781.936.608	-
	<b>192.491.708.913</b>	-	<b>274.012.314.623</b>	-

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả Âm nhạc Việt nam	250.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sky Music	343.200.000	-	330.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.410.600.324	-	984.018.757	-
	<b>3.004.600.324</b>	-	<b>1.314.018.757</b>	-



**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.002.463.014	-	8.714.767.123	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.107.000	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	1.078.500	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	349.000	-	-	-
- Tạm ứng	7.335.521.904	-	5.779.227.130	-
- Ký cược, ký quỹ	293.495.000	-	35.000.000	-
- Đặt cọc cho Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (Singapore International Arbitration Centre)(*)	3.021.839.613	-	-	-
- Phải thu khác (**)	2.927.463.239	-	2.323.056.310	-
	<b>17.585.317.270</b>	-	<b>16.852.050.563</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
- Đặt cọc thuê văn phòng cho Công ty Cổ phần Dầu tư Viễn Đông	958.501.202	-	958.501.202	-
- Ký cược, ký quỹ	149.400.000	-	168.078.700	-
- Phải thu khác (**)	1.447.250.006	-	1.702.500.000	-
	<b>2.555.151.208</b>	-	<b>2.829.079.902</b>	-

(\*) Khoản tiền VMG đặt cọc tại Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (Singapore International Arbitration Centre) để thực hiện việc hòa giải liên quan đến vụ kiện giữa Global Payment Service và UTC Investment với Công ty trong việc mua bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (Epay) tháng 11/2016.  
(Xem thêm tại thuyết minh số 31).

(\*\*) Trong đó, số dư cho một số cán bộ công nhân viên vay từ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 30/06/2019 là: 3.728.250.002 đồng.



**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hoá	45.594.236.957	-	49.488.034.869	-
- Hàng gửi đi bán	897.144.363	-	-	-
	<b>46.491.381.320</b>	<b>-</b>	<b>49.488.034.869</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	23.233.447.635	4.791.646.818	28.025.094.453
- Mua trong kỳ	969.818.182	-	969.818.182
Số dư cuối kỳ	<b>24.203.265.817</b>	<b>4.791.646.818</b>	<b>28.994.912.635</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	22.961.862.956	3.221.178.365	26.183.041.321
- Khấu hao trong kỳ	70.357.102	304.721.833	375.078.935
Số dư cuối kỳ	<b>23.032.220.058</b>	<b>3.525.900.198</b>	<b>26.558.120.256</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	271.584.679	1.570.468.453	1.842.053.132
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.171.045.759</b>	<b>1.265.746.620</b>	<b>2.436.792.379</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.533.283.999 VND.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	3.742.333.000	3.742.333.000
Số dư cuối kỳ	<b>3.742.333.000</b>	<b>3.742.333.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	3.683.999.667	3.683.999.667
- Khấu hao trong năm	11.666.664	11.666.664
Số dư cuối kỳ	<b>3.695.666.331</b>	<b>3.695.666.331</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	58.333.333	58.333.333
Tại ngày cuối kỳ	<b>46.666.669</b>	<b>46.666.669</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.672.333.000 VND.

## 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

Bất động sản đầu tư Công ty đang cho thuê là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ: 96-98 đường Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất là: 252,8 m<sup>2</sup> với mục đích sử dụng làm văn phòng và cho thuê. Chi tiết như sau:

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	3.954.600.000	26.182.883.143	30.137.483.143
Số dư cuối kỳ	<b>3.954.600.000</b>	<b>26.182.883.143</b>	<b>30.137.483.143</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	5.832.964.524	5.832.964.524
- Do phân loại lại	-	523.657.662	523.657.662
Số dư cuối kỳ	-	<b>6.356.622.186</b>	<b>6.356.622.186</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	3.954.600.000	20.349.918.619	24.304.518.619
Tại ngày cuối kỳ	<b>3.954.600.000</b>	<b>19.826.260.957</b>	<b>23.780.860.957</b>

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí trả trước của dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng trên mạng di động Vinaphone, Mobifone và Viettel (*)	75.155.127.225	8.861.000.269
- Chi phí thuê văn phòng	791.092.175	2.373.276.524
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.233.065.739	1.409.377.500
	<b>77.179.285.139</b>	<b>12.643.654.293</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	118.200.000
	-	<b>118.200.000</b>

(\*): Đây là gói tin nhắn mua từ các nhà mạng để sử dụng cho dịch vụ quản lý tin nhắn. Việc phân bổ vào chi phí được phân bổ theo sản lượng đã sử dụng, tương ứng với doanh thu dịch vụ tin nhắn đã ghi nhận trong kỳ.



**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**13. VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	26.290.899.646	26.290.899.646	49.958.591.941	60.475.038.204	15.774.453.383	15.774.453.383
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000	18.500.000.560	48.500.000.560	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	59.686.600.000	59.686.600.000	83.421.475.538	90.903.825.000	52.204.250.538	52.204.250.538
	<b>115.977.499.646</b>	<b>115.977.499.646</b>	<b>151.880.068.039</b>	<b>199.878.863.764</b>	<b>67.978.703.921</b>	<b>67.978.703.921</b>
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn</b>						
		Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2019	01/01/2019
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội		VND	6,6%	Hợp đồng tiền gửi	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam		VND	6,6%	Hợp đồng tiền gửi	15.774.453.383	26.290.899.646
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		VND	7%	Hợp đồng tiền gửi	-	30.000.000.000
					52.204.250.538	59.686.600.000
					<b>67.978.703.921</b>	<b>115.977.499.646</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	3.752.946.690	3.752.946.690	3.683.447.545	3.683.447.545
- Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	29.749.912.920	29.749.912.920	29.751.284.750	29.751.284.750
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	-	-	9.109.190.909	9.109.190.909
- Trung tâm Dịch vụ Đa phương tiện và Giá trị Gia tăng Mobifone - Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	1.575.539.276	1.575.539.276	5.880.705.347	5.880.705.347
- Công ty TNHH Dịch vụ Viễn thông Hy vọng mới	2.876.291.165	2.876.291.165	3.439.197.075	3.439.197.075
- Phải trả các đối tượng	15.840.581.355	15.840.581.355	24.679.311.250	24.679.311.250
	<b>53.795.271.406</b>	<b>53.795.271.406</b>	<b>76.543.136.876</b>	<b>76.543.136.876</b>



**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.934.990.159	-	4.084.622.551	2.152.359.665	2.727.273	-				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.303.796.142	-	3.458.059.557	-	-	154.263.415				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.191.866.907	1.836.067.283	2.819.107.896	-	208.826.294				
Các loại thuế khác	-	122.994.368	2.228.032.865	2.196.265.267	-	154.761.966				
	<b>5.238.786.301</b>	<b>1.314.861.275</b>	<b>11.606.782.256</b>	<b>7.167.732.828</b>	<b>2.727.273</b>	<b>517.851.675</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trích trước chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS, bản quyền nhạc	26.135.114.066	25.179.645.425
- Chi phí phải trả khác	2.069.451.224	718.294.966
	<b>28.204.565.290</b>	<b>25.897.940.391</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.246.742.711	2.433.186.711
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	169.500.000	119.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.838.018.750	2.937.768.750
- Phải trả lãi vay	64.320.705	150.901.354
- Quỹ gắn bó cùng VMG	1.837.500.000	1.209.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	951.028.298	459.629.659
	<b>8.107.110.464</b>	<b>7.309.986.474</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	985.025.114	905.778.304
	<b>985.025.114</b>	<b>905.778.304</b>



**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>239.364.150.000</b>		<b>(111.200.000)</b>	<b>1.723.420.259</b>	<b>58.050.292.230</b>	<b>502.956.662.489</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-		-	-	6.095.987.294	6.095.987.294
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế	-	-		-	-	(4.066.551.025)	(4.066.551.025)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>239.364.150.000</b>		<b>(111.200.000)</b>	<b>1.723.420.259</b>	<b>60.079.728.499</b>	<b>504.986.098.758</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>239.364.150.000</b>		<b>(111.200.000)</b>	<b>1.723.420.259</b>	<b>75.592.436.126</b>	<b>520.498.806.385</b>
Lãi trong kỳ này	-	-		-	-	13.774.452.441	13.774.452.441
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	-	-		-	-	(3.602.933.162)	(3.602.933.162)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>239.364.150.000</b>		<b>(111.200.000)</b>	<b>1.723.420.259</b>	<b>85.763.955.405</b>	<b>530.670.325.664</b>

(\*): Việc phân phối được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 24/05/2019, mức trích tối đa là 15% lợi nhuận năm 2018 nhưng không vượt quá 3 tháng lương thực hiện bình quân năm 2018.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	VND	VND	
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	57.720.000.000	57.720.000.000	57.720.000.000	57.720.000.000	28,30%
NTT DOCOMO Inc	49.999.980.000	49.999.980.000	49.999.980.000	49.999.980.000	24,52%
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	22,07%
Các cổ đông khác	51.210.020.000	51.210.020.000	51.210.020.000	51.210.020.000	25,11%
	<b>203.930.000.000</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	<b>203.930.000.000</b>	<b>203.930.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.937.768.750	2.937.768.750
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền (99.750.000)	(99.750.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước (99.750.000)	(99.750.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<b>2.838.018.750</b>	<b>2.937.768.750</b>

d) Cổ phiếu

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.393.000	20.393.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	11.120	11.120
- Cổ phiếu phổ thông	11.120	11.120
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.381.880	20.381.880
- Cổ phiếu phổ thông	20.381.880	20.381.880
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.723.420.259	1.723.420.259
	<b>1.723.420.259</b>	<b>1.723.420.259</b>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.349.821.122	905.333.762
	<b>1.349.821.122</b>	<b>905.333.762</b>

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2019	01/01/2019
EUR	10.356,53	4.683,28
USD	13.509,49	4.908,66

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	85.334.335.255	8.121.825.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ	219.408.710.054	355.428.545.138
	<b>304.743.045.309</b>	<b>363.550.370.830</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	83.389.086.723	7.376.920.002
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	200.298.985.551	346.836.431.043
	<b>283.688.072.274</b>	<b>354.213.351.045</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.527.490.869	7.962.808.320
Lãi bán chứng chỉ quỹ	42.902.091	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.904.354	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	6.174.364	13.111.601
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	467.721.608
	<b>8.579.471.678</b>	<b>8.443.641.529</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	886.392.961	409.046.807
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.528.660	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	292.500.000
	<b>891.921.621</b>	<b>701.546.807</b>



**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí trao thưởng	1.121.690.000	-
Chi phí quà tặng khách hàng	1.015.841.576	464.363.636
	<b>2.137.531.576</b>	<b>464.363.636</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.917.034.564	4.325.507.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	229.859.614	533.560.302
Chi phí dự phòng	-	358.706.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.951.122.490	1.743.528.512
Chi phí khác bằng tiền	340.735.394	795.759.892
	<b>9.438.752.062</b>	<b>7.757.062.827</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.232.511.998	7.832.106.465
Các khoản điều chỉnh tăng	63.960.150	861.600.990
- Chi phí không hợp lệ	51.252.112	862.176.219
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	12.708.038	(575.229)
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.174.364)	(13.111.601)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(6.174.364)	(13.111.601)
Thu nhập tính thuế TNDN	17.290.297.784	8.680.595.854
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>3.458.059.557</b>	<b>1.736.119.171</b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	-	2.937.736.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(3.303.796.142)	21.473.038.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(32.177.620.739)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>154.263.415</b>	<b>(6.030.726.201)</b>



**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.332.749.172	-	-	5.332.749.172
Phải thu khách hàng, phải thu khác	210.077.026.183	2.555.151.208	-	212.632.177.391
Các khoản cho vay	283.160.443.385	-	-	283.160.443.385
	<b>498.570.218.740</b>	<b>2.555.151.208</b>	-	<b>501.125.369.948</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.637.957.594	-	-	47.637.957.594
Phải thu khách hàng, phải thu khác	290.864.365.186	2.829.079.902	-	293.693.445.088
Các khoản cho vay	278.156.817.056	-	-	278.156.817.056
	<b>616.659.139.836</b>	<b>2.829.079.902</b>	-	<b>619.488.219.738</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

ẤN  
CỘNG  
HÀNH  
- G K  
AA  
KIỂM  
319  
Y  
N  
H  
P



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Vay và nợ	67.978.703.921	-	-	67.978.703.921
Phải trả người bán, phải trả khác	61.902.381.870	985.025.114	-	62.887.406.984
Chi phí phải trả	28.204.565.290	-	-	28.204.565.290
	<b>158.085.651.081</b>	<b>985.025.114</b>	<b>-</b>	<b>159.070.676.195</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	115.977.499.646	-	-	115.977.499.646
Phải trả người bán, phải trả khác	83.853.123.350	905.778.304	-	84.758.901.654
Chi phí phải trả	25.897.940.391	-	-	25.897.940.391
	<b>225.728.563.387</b>	<b>905.778.304</b>	<b>-</b>	<b>226.634.341.691</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	151.880.068.039	310.243.302.667
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	199.878.863.764	330.243.301.651

**30. THÔNG TIN KHÁC**

Liên quan tới vụ án đánh bạc trực tuyến, tại bản án số 55/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Phú Thọ, cơ quan chức năng đã xác định VMG chỉ là đơn vị trung gian kết nối giữa các nhà mạng và công ty cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến. VMG không biết và không có trách nhiệm về các vấn đề phát sinh trong nội dung giao dịch giữa công ty cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến với khách hàng. Tuy nhiên, là đơn vị trung gian nên VMG đang trong quá trình phối hợp với các cơ quan chức năng để làm rõ phần sản lượng giao dịch của các khách hàng. Chúng tôi sẽ ghi nhận vào Báo cáo tài chính tất cả những phát sinh khi các cơ quan quản lý nhà nước đưa ra kết luận chính thức trong vụ việc này.

35  
 TY  
 HUU  
 MTC  
 3C  
 TP.  
 G. C. T. C.  
 AN GIANG

### 31. NỢ TIỀM TÀNG

Trong kỳ, Công ty phát sinh khoản tiền đặt cọc (thuyết minh 7a) gửi đến Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (Singapore International Arbitration Centre) để thực hiện việc hòa giải liên quan đến vụ kiện giữa bên Nguyên đơn: Global Payment Service (GPS) và UTC Investment (UTC) (GPS là 1 quỹ đầu tư được thành lập và quản lý bởi UTC, cả 2 có trụ sở tại Hàn Quốc) và bên Bị đơn Công ty Cổ phần truyền thông VMG trong việc mua bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (Epay) tháng 11/2016. GPS và UTC cho rằng VMG đã phản ánh không trung thực và chính xác về tình hình tài chính Epay khi đưa ra Doanh thu 5.351.533 triệu đồng và EBITDA là 26.761 triệu đồng. Theo cáo trạng, GPS và UTC được biết rằng hoạt động của Epay bao gồm cả những hoạt động vi phạm pháp luật. Do đó và GPS và UTC đã đưa ra quyết định chưa chính xác trong việc mua bán cổ phần tại Epay. Vì lẽ đó GPS và UTC đã tiến hành khởi kiện và đòi bồi thường 519.187.815.751 đồng từ VMG.

Hiện tại, các bên đang trong tiến trình thương thảo và chưa có bất cứ kết luận nào về vấn đề này từ Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore.

### 32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**Nguyễn Thị Thùy Linh**  
Người lập biểu

*Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019*

**Dương Thị Thương**  
Kế toán trưởng

**Trần Bình Dương**  
Tổng Giám đốc